

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-12-2024
V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đan Thanh và bà Hứa Thị Mây y Sum.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “*không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024, , giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm: 1991 (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1990 (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày: Anh với chị Nguyễn Thị D quen biết nhau tại thời điểm đang làm công nhân cùng nhau trong Thành phố Hồ Chí Minh, sau quá trình tìm hiểu thì anh và chị D tự nguyện tiến đến chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới và chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh với chị D sống chung cùng nhau tại

nhà trọ trong Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013. Do không có thời gian về quê nên anh với chị D đến thời điểm hiện nay vẫn chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Anh với chị D chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh phát hiện chị D có tình cảm với người đàn ông khác nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị D bỏ về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột ở thôn S, xã P, huyện T, còn anh về sinh sống với cha mẹ anh ở tỉnh Cà Mau, từ đó đến nay không còn liên lạc, không quan tâm nhau. Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị D nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh với chị D có 02 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/10/2014 và Nguyễn Duy T1, sinh ngày 26/6/2017. Hiện 02 đứa con đang sống cùng với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh với chị D chung sống không tạo lập được tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị với anh Nguyễn Thanh N quen biết nhau tại thời điểm đang làm công nhân cùng nhau trong Thành phố H, sau quá trình tìm hiểu thì chị và anh N tự nguyện tiến đến chung sống với nhau từ năm 2013, không tổ chức lễ cưới và chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do không có thời gian về quê nên chị với anh N chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Chị với anh N chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị với anh N không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau nên chị với anh N tự nguyện chia tay, sau đó anh N dẫn hai đứa con về sinh sống tại quê ở Cà Mau, còn chị tiếp tục ở lại Thành phố H tìm việc làm.

Hiện nay, chị với anh N đã không còn sống chung với nhau hơn 4 năm nay, không ai liên lạc, quan tâm tới ai. Vì vậy anh chị đồng ý thuận tình ly hôn, nhưng do anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị với N có 02 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/10/2014 và Nguyễn Duy T1, sinh ngày 26/6/2017. Hiện 02 đứa con đang sống cùng với anh N. Chị đồng ý giao 02 con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị D.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Thanh N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Nguyễn Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị D; chị Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại thôn S, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[2]. *Về việc vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N và bị đơn chị Nguyễn Thị D có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh N và chị D.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Thành N1 và chị Nguyễn Thị D chung sống với nhau từ năm 2013 đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định

pháp luật. Nay anh N1 xác định mâu thuẫn giữa anh và chị D đã trầm trọng, ông không còn tình cảm với chị D và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Quá trình tòa án giải quyết vụ án, anh N1 và chị D đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, anh N1 và chị D đã sống chung với nhau từ năm 2013, mặc dù có đủ điều kiện để thực hiện đăng ký kết hôn nhưng anh N1 và chị D đã không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định hôn nhân giữa anh N1 và chị D không được pháp luật thừa nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh N1 và chị D.

[3.2]. *Về con chung*: Anh N1 và chị D xác định anh chị sống chung với nhau có 02 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/10/2014 và Nguyễn Duy T1, sinh ngày 26/6/2017. Hiện nay các con đang sống cùng với anh N1, quá trình giải quyết vụ án, anh N1 và chị D thỏa thuận giao 02 con chung cho anh N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Thanh N tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị D xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Các Điều: 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Thanh N và chị Nguyễn Thị D1. Giao 02 con tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/10/2014 và Nguyễn Duy T1, sinh ngày 26/6/2017 cho anh Nguyễn Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 000 4788 ngày 12/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Anh N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Khánh Hưng

